TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:104/2018/HS-ST
Ngày 07- 8 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Tập

2. Ông Thái Quang Định

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Chung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa*:**

Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí - tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2018/TLST- HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 7 năm 2018 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Văn H**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 18 tháng 01 năm 1997 tại: Đông Triều, Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT: thôn B, xã HP, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ học vấn: lớp 12/12; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị O; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ ngày 20-4-2018 và tạm giam ngày 26-4-2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1984. Nơi ĐKNKTT: Tổ 8, khu 8, phường Th, TP U, Quảng Ninh. Chỗ ở: Tổ 2, khu 8, phường Th, TP U, Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Ông Ngô Xuân L, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn C, xã HQ, thị xã Đ, Quảng Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Minh T2, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu V2, phường M, MK, Đ, Quảng Ninh; có mặt.

2. Anh Phạm Đức T3, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn B, xã HP, thị xã Đ, Quảng Ninh; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu 2, phường Đ, thị xã Đ, Quảng Ninh; có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn B, xã HP, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Đinh Trường S, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn P, xã B, thị xã Đ, Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Quang T4, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn BM, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn S2, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ 1, khu 7, phường Th, TP U, Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản từ trước, sáng ngày 13/4/2018, Nguyễn Văn H đi nhờ xe của anh Nguyễn Quang T4 là bạn cùng trường với H, đến trường Cao đẳng than – khoáng sản (trường Cao đẳng Việt – Xô), thuộc phường Th, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng 07 giờ cùng ngày, H vào nhà gửi xe của trường rồi dùng chìa khóa mượn của anh Nguyễn Văn S2 là giáo viên nhà trường, vặn mở được ổ khóa xe mô tô Honda Wave màu cam, đen biển số 14Z1-360.46 của anh Ngô Minh T2 (sinh năm 1999 - trú tại M, Đ). H nổ máy xe rồi điều khiển xe mô tô trên ra cổng bãi gửi xe thì gặp chị Trần Thị Thanh T là người trông xe. Chị T yêu cầu H đưa vé thì H không xuất trình được, rồi ngay lập tức điều khiển xe phóng đi mất. Trên đường đi, H tháo biển số xe vứt ở ven đường; H mang xe mô tô vừa trộm cắp được đến nhà anh Nguyễn Ngọc K (trú tại phường Đ, thị xã Đ) cầm cố xe lấy 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Chiều cùng ngày, H gọi điện thoại nhờ anh Phạm Đức T3 (trú tại xã HP, thị xã Đ, Quảng Ninh) chuộc xe hộ mình. Anh T3 trả cho anh K số tiền 3.000.00đ (ba triệu đồng) lấy chiếc xe mô tô trên về để sử dụng và đưa cho H thêm 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). H đã dùng số tiền này để chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 19/4/2018, H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố U ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, H khai nhận còn thực hiện một vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể: khoảng 14 giờ 30 ngày 19/4/2018, H đón xe ô tô bus từ trường Cao đẳng than khoáng sản Việt Nam đi về nhà. Khi đến khu vực thôn Tr, xã H, thị xã Đ, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên xuống xe, đi lang thang quanh khu vực thì thấy một đám ma ở gần đó, có nhiều người để xe mô tô bên ngoài. Phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, đen biển số 14Z1-277.32 của ông Ngô Xuân L (trú tại thôn C, xã H, Đều), H lại

gần, dùng chìa khóa cá nhân của mình, vặn mở được ổ khóa xe, rồi điều khiển xe mô tô đi về phía thành phố U. Khi đến khu 7, phường Th, thành phố U, H tháo biển số xe mô tô ném đi, rồi đi đến trường Cao đẳng than khoáng sản, gửi ở nhà để xe của trường.

Ngày 20/4/2018, anh Phạm Đức T3 đã mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam, đen không biển số là xe Nguyễn Văn H nhờ anh chuộc giúp đến gia đình H để giao trả. Bà Nguyễn Thị O mẹ của H nhận lại chiếc xe, sau đó nghi ngờ chiếc xe là tài sản do con trai bà là Nguyễn Văn H trộm cắp, nên bà O đã trình báo và tự nguyện giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố U.

Ngày 23/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố U đã tạm giữ tại nhà để xe của trường Cao đẳng Than – khoáng sản Việt Nam 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh, đen không biển số do H mang đến gửi vào ngày 19/4/2018 và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Đ xử lý theo thẩm quyền.

Bản kết luận định giá tài sản số 35 ngày 20/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố U thể hiện: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam, đen biển số 14Z1-360.46 có giá trị 24.000.000^{đ} (hai mươi tư triệu đồng).

Bản kết luận định giá tài sản số 41 ngày 31/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã Đ thể hiện: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh biển số 14Z1-277.32 trị giá 16.000.000^{đ} (mười sáu triệu đồng).

Ngày 25/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố U ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Trộm cắp tài sản" do bị cáo Nguyễn Văn H thực hiện ngày 13/4/2018, trên địa bàn phường Th, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 31/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Đ ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Trộm cắp tài sản" do bị cáo Nguyễn Văn H thực hiện ngày 19/4/2018, trên địa bàn thôn Tr, xã HQ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 11/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố U đã ra Quyết định nhập hai vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố U đã trả lại cho anh Ngô Minh T2 chiếc xe mô tô Honda Wave màu cam, đen không biển số; Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Đ đã trả lại chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh, đen không biển số cho ông Ngô Xuân L. Anh Ngô Minh T, ông Ngô Xuân L không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Quá trình điều tra, bị cáoNguyễn Văn H cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường 3.600.000^{đ} (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) cho anh Phạm Đức T3 và bồi thường số tiền 3.000.000^{đ} (ba triệu đồng) cho chị Trần Thị Thanh T, để khắc phục hậu quả do hành vi trộm cắp tài sản H đã gây ra.

Tại bản Cáo trạng số 109/CT – VKSUB ngày 04 - 7 - 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Hoàng về tội *"Trộm cắp tài sản",* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và thừa nhận bị truy tố đúng người, đúng tội.

Bị hại ông Ngô Xuân L trình bày: Ông đã được nhận lại chiếc xe mô tô do H trộm cắp, tại cơ quan điều tra không có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, khi nhận lại

chiếc xe để đưa ông đã phải lắp lại biển số xe mới do biển số xe cũ H đã vứt đi và thay thế một số phụ tùng xe bị mất mát, hư hỏng. Tại phiên tòa hôm nay, ông không mang theo hóa đơn nhưng thực tế ông đã phải mất chi phí nên ông đề nghị bị cáo H có trách nhiệm bồi thường 1.000.000 đồng. Bị cáo H chấp nhận yêu cầu này của ông L.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh T2, anh Nguyễn Ngọc K, chị Nguyễn Thị O tại phiên tòa không có ý kiến gì về phần bồi thường dân sự và giữ nguyên nội dung lời khai như đã thể hiện tại cơ quan điều tra.

Người bị hại chị Trần Thị Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đức T3 và những người làm chứng anh Đinh Trường S, anh Nguyễn Quang T4, anh Nguyễn Văn S2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng các lời khai thể hiện trong hồ sơ phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H với mức hình phạt từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại ông Ngô Xuân L 1.000.000đồng theo như ông L yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 – Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Vật chứng trong vụ án gồm: 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen, 01 (một) khẩu trang tối màu, 01 (một) chiếc cặp giả da có quai đeo, 01 (một) cà lê; 01 (một) tay công; 01 (một) áo sơ mi dài tay, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Viện kiểm sát; tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ của vụ án, biên bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 13/4/2018, tại khu nhà để xe của trường Cao đẳng Than – Khoáng sản Việt Nam, thuộc phường Th, thành phố U, Quảng Ninh, Nguyễn Văn H có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Honda Wave biển số 14Z1-360.46, trị giá 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng) của anh Ngô Minh T2, do chị Trần Thị Thanh T đang trông coi, quản lý. Tiếp đó, chiều ngày 19/4/2018, tại khu vực thuộc thôn Tr, xã HQuế, thị xã Đ, Quảng Ninh, Nguyễn Văn H có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 14Z1-277.32, trị giá 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) của ông Ngô Xuân L. Tổng giá trị tài sản H trộm cắp là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi do lỗi cố ý thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Trong thời gian ngắn bị cáo liên tiếp thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản, trong đó có vụ án bị cáo thực hiện ngay tại trường Cao đẳng than – khoáng sản (nơi bị cáo đang là sinh viên theo học). Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự ngang tàng, coi thường pháp luật, coi thường kỷ luật của nhà trường. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm để cải tạo riêng đối với bị cáo và cũng như để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 – Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Đối với hành vi trộm cắp bị cáo thực hiện tại xã HQ, thị xã Đ, khi chưa bị phát hiện, tại cơ quan điều tra bị cáo đã tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội này của mình. Trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường, khắc phục hậu quả và tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được trách nhiệm của bản thân, chấp nhận bồi thường cho bị hại ông Ngô Xuân L 1.000.000 đồng. Chị Trần Thị Thanh T là bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội "Trộm cắp tài sản" còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^{đ} (năm triệu đồng) đến 50.000.000^{đ} (năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sự thỏa thuận giữa bị hại ông Ngô Xuân L và bị cáo là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên công nhận, bị cáo có trách nhiệm phải bồi thường cho ông Ngô Xuân L 1.000.000 đ (một triệu đồng). Đối với bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã nhận lại tài sản và được gia đình bị cáo bồi thường đầy đủ, không có ý kiến gì nên không đề cập giải quyết.

[6] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen, 01 (một) khẩu trang tối màu, 01 (một) chiếc cặp giả da có quai đeo; 01 (một) áo sơ mi thuộc sở hữu của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên phải trả lại cho bị cáo nhưng tại phiên tòa bị cáo có ý kiến không nhận lại tài sản và 01 (một) tay công vặn ốc kim loại của bị cáo; 01 (một) cà lê (bị cáo khai lấy trong cốp xe của ông Ngô Xuân L nhưng tại phiên tòa ông L khẳng định bộ đồ sửa chữa xe ông để trong cốp còn nguyên, chiếc cà lê này không phải của ông) là những vật chứng không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Hoàng phạm tội: *"Trộm cắp tài sản ".*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H **20 (hai mươi)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 20/4/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: khoản 1 Điều 48 – Bộ luật Hình sự; điều 584, điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự. Bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho bị hại ông Ngô Xuân L 1.000.000đ (một triệu đồng) như thỏa thuận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 – Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy : 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen, 01 (một) khẩu trang tối màu, 01 (một) áo sơ mi dài tay; 01 (một) chiếc cặp giả da có quai đeo; 01 (một) cà lê; 01 (một) tay công vặn ốc kim loại;

(Tình trạng và đặc điểm của vật chứng được mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Danh mục án phí Toà án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thanh Thúy